

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-4-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đại Minh và bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

Thư ký phiên tòa: ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Phạm Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thúy K, sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Quang T, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thúy K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 16 ngày 26/10/2004. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian đến tháng 9/2020 thì vợ chồng P sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng kinh cãi. Năm 2021 chị K làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn khởi kiện, vợ chồng về chung sống lại với nhau. Quá trình chung sống, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh T có khi đánh đập chị nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Huỳnh Duy Q, sinh ngày 26/12/2005 và Lê Tấn P, sinh ngày 02/9/2010. Hiện nay hai cháu đang sống với chị K và anh T. Ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất như lời trình bày của chị K. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái nên chị K làm đơn xin ly hôn với anh, ngoài ra không có nguyên nhân nào khác. Bản thân anh còn tình cảm với chị K, yêu thương và chăm sóc vợ con chu đáo nên anh mong muốn gia đình đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành. Do đó, anh T không đồng ý ly hôn với chị K.

- Về con chung: Có 02 con chung như chị K trình bày. Vì không đồng ý ly hôn nên anh T không có ý kiến gì về con chung.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị K cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị K được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao 02 con chung cho chị K nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 16 ngày 26/10/2004 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Theo chị K và anh T, quá trình chung sống vợ chồng P sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong vấn đề nuôi dạy con nên xảy ra kinh cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu và kiên quyết xin ly hôn nhưng anh T không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, tháng 11 năm 2021 giữa chị K, anh T xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và chị K gửi đơn xin ly hôn với anh T đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, tháng

16/9/2022 nguyên đơn chị K đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng chung sống lại với nhau nên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 99/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2022. Tuy nhiên, sau khi chung sống lại với nhau cho đến nay, giữa anh T và chị K tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và chị K vẫn kiên quyết ly hôn với anh T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị K và anh T đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh T.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị K và anh T có 02 con chung tên là Lê Huỳnh Duy Q, sinh ngày 26/12/2005 và Lê Tấn P, sinh ngày 02/9/2010. Hiện nay hai cháu đang sống với chị K và anh T; Xét thấy, cháu Q và cháu P đều có đơn tự nguyện xin sống với chị K, chị K cam đoan đủ sức khỏe và đủ khả năng kinh tế để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con trưởng thành nên cần tiếp tục giao cháu Q và cháu P cho chị K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị K và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị K phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thúy K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thúy K được ly hôn với anh Lê Quang T.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên là Lê Huỳnh Duy Q, sinh ngày 26/12/2005 và Lê Tấn P, sinh ngày 02/9/2010 cho chị Huỳnh Thị Thúy K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Huỳnh Thị Thúy K không yêu cầu anh Lê Quang T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thúy K phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị K đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007949 ngày 21/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.Tuy Hoà;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND xã H, H.T
(Số 91, quyền số 16 ngày 26/10/2004)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang